TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 796/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2018
***V/v** : "Ly hôn".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Viết Đức
2. Ông Phạm Văn Chính

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2018/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2018/QĐST- HNGĐ ngày 04/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Thúy N - sinh năm 1978 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện H, TP. Hồ Chí Minh
Bị đơn: Ông Lâm Văn B - sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2017, bản tự khai ngày 05/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Thị Thúy N trình bày:

Bà và ông Lâm Văn B tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, TP. Hồ Chí Minh ngày 30/12/2002.

Khi về chung sống với nhau tại ấp 6, xã S, huyện H, TP. Hồ Chí Minh. Tháng 9 năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B thường xuyên uống rượu, bia, chửi, đánh vợ con, không lo cho gia đình. Bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông B.

- Về con chung: có 02 người con tên Lâm Tạ Tuấn A, sinh năm 1996 và Lâm Tạ Yến N1, sinh năm 1998 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khỏan 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông B tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 150 quyển số 02/2002 ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông B là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn – bà Tạ Thị Thúy N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt của bà N, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, bà N khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 09 năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B thường xuyên uống rượu, bia, đánh vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2014.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng bà N, ông B trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông B vẫn cố tình tránh né không đến tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông B không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà N, ông B đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

-Về con chung: có 02 người con tên Lâm Tạ Tuấn A, sinh năm 1996 và Lâm Tạ Yến N1, sinh năm 1998 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Thúy N được ly hôn với ông Lâm Văn B.

2/ Về con chung: có 02 người con tên Lâm Tạ Tuấn A, sinh năm 1996 và Lâm Tạ Yến N1, sinh năm 1998 (đã trưởng thành).

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Tạ Thị Thúy N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số 0017928 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng